TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2024/HSST
Ngày: 04/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Lê;
2/ Ông Trần Đức Hòa;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa*:** Ông An Bắc Lừng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2024/ HSST ngày 14 tháng 5 năm 2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/ QĐXXST – HS ngày 15 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Vũ Thị Ngọc M, sinh năm 1988 tại tỉnh Thái Bình.

Căn cước công dân: 034188017501

Nơi cư trú: Ấp Ch, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Quốc Th và bà Phạm Thị S; Tiền sự: Không

Tiền án: 01 *(Ngày 15/4/2016, Vũ Thị Ngọc M bị Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2015 đến ngày 22/12/2015. Bị cáo đang chấp hành án từ ngày 15 tháng 8 năm 2022. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam An Ph, Cục C10 – Bộ Công an) (bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

- *Người bị hại:* Ông Lê Đình B, sinh năm 1963 *(vắng mặt tại phiên tòa)*
Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Chị Vũ Thị Lan H, sinh năm 1993 *(vắng mặt tại phiên tòa)*
Địa chỉ: Ấp Ch, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.
2. Anh Trần Hùng M, sinh năm 1980 *(vắng mặt tại phiên tòa)*
Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
3. Anh Phạm Văn Ngh, sinh năm 1978 *(vắng mặt tại phiên tòa)*
Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 25/02/2019, Vũ Thị Ngọc M đi từ thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đến khu vực thuộc thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước để chơi. Sau đó, Vũ Thị Ngọc M gọi điện thoại cho ông Lê Đình B đến đón Vũ Thị Ngọc M. Lúc này, ông Lê Đình B đang ở quán ăn của anh Phạm Văn Ngh tại thôn 6, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (ông Lê Đình B là người làm thuê cho anh Phạm Văn Ngh). Do không có xe nên ông Lê Đình B đã mượn xe mô tô, hiệu Sirius, biển số 93L1-185.80 của anh Phạm Văn Ngh đi đón Vũ Thị Ngọc M. Sau đó, ông Lê Đình B điều khiển xe mô tô, biển số 93L1-185.80 đến thôn 5, xã Đ rồi chở Vũ Thị Ngọc M về quán ăn của anh Phạm Văn Ngh để ngủ. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, Vũ Thị Ngọc M nói với ông Lê Đình B cho Vũ Thị Ngọc M mượn xe mô tô, biển số: 93L1-185.80 để đi mua đồ ăn sáng thì ông Lê Đình B đồng ý. Tiếp đó, Vũ Thị Ngọc M điều khiển xe mô tô này về nhà của Vũ Thị Ngọc M ở ấp Ch, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước để cất giữ. Sau đó, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Vũ Thị Ngọc M đã nảy sinh ý định mang xe mô tô, biển số: 93L1-185.80 đi cầm cố. Tiếp đó, Vũ Thị Ngọc M điện thoại cho 01 người bạn của Vũ Thị Ngọc M tên là S (không xác định được nhân thân, lý lịch) rồi Vũ Thị Ngọc M nhờ S mang xe mô tô đi cầm được 5.000.000 đồng, rồi đưa số tiền này cho Vũ Thị Ngọc M, Vũ Thị Ngọc M đã tiêu xài hết. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Vũ Thị Ngọc M điện thoại thông báo cho ông Lê Đình B biết việc Vũ Thị Ngọc M đã mang xe mô tô, biển số: 93L1-185.80 đi cầm lấy tiền tiêu xài nên ông Lê Đình B và anh Phạm Văn Ngh đã đến Cơ quan Công an xã Đ trình báo.

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/K-ĐG ngày 24/6/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô, biển số: 93L1-185.80 vào thời điểm ngày 25/02/2019 có giá trị là 9.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 53/CT –VKS.BĐ ngày 14/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Vũ Thị Ngọc M về Tội làm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Thị Ngọc M phạm Tội làm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thị Ngọc M từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với bản án số 19/2016/HSST ngày 15/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa: Bị cáo Vũ Thị Ngọc M thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 25/02/2019, Vũ Thị Ngọc M mượn xe mô tô mô tô hiệu Sirius, biển số: 93L1-185.80 trị giá 9.000.000 đồng của ông Lê Đình B (xe mô tô nói trên có nguồn gốc là do ông Lê Đình B mượn của anh Phạm Văn Ngh) để đi mua đồ ăn sáng. Vũ Thị Ngọc M điều khiển xe từ thôn 6, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước về nhà ở ấp Ch, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Sau đó, Vũ Thị Ngọc M điện thoại cho S (chưa rõ nhân thân, lý lịch) mang xe mô tô trên đi cầm cố được số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền này Vũ Thị Ngọc M đã tiêu xài hết.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn được hưởng thụ bị cáo cố ý thực hiện thể hiện lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Vũ Thị Ngọc M đã phạm vào Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật Hình sự, chưa được

xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có 01 tiền án chưa chấp hanh xong, chưa được xóa án tích. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho chủ xe mô tô và được chủ xe làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có con còn nhỏ, gia đình bị cáo khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] Bị cáo Vũ Thị Ngọc M đã tác động gia đình bồi thường cho anh Phạm Văn Ngh là chủ sở hữu xe mô tô hiệu Sirius, biển số: 93L1-185.80 số tiền 7.000.000 đồng, anh Phạm Văn Ngh không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Lan H và anh Trần Hùng M bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo. Quá trình giải quyết chị Vũ Thị Lan H và anh Trần Hùng M không có yêu cầu gì đối với số tiền bồi thường thay cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 170 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo đang chấp hành hình phạt tù, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về các nội dung khác:

[7.1] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7.2] Đối với bị hại Lê Đình B quá trình điều tra đã bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan CSĐT - Công an huyện B đã thông báo truy tìm nhưng không có kết quả nên tách ra giải quyết sau nếu có yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

[7.3] Đối với đối tượng tên S (chưa rõ nhân thân, lý lịch) đã mang xe mô tô, biển số: 93L1-185.80 đi cầm cố hộ cho Vũ Thị Ngọc M. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B tách ra tiếp tục xác mình xử lý sau.

[7.4] Đối với quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

]7.5] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Ngọc M phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Ngọc M 09 (chín) tháng tù.

Căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp với hình phạt 08 (tám) năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy của Bản án Hình sự sơ thẩm số 19/2016/HSST ngày 15/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2015 đến ngày 22/12/2015. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Thị Ngọc M.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vũ Thị Ngọc M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước.
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CQ CSĐT Công an h. B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh